TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ MỸ** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 23-4-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Cảnh;

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2024/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2025/QĐXXS-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964 (Có mặt)
Trú tại: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt)
Trú tại: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024, qua trình giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Giữa bà và chị Nguyễn Thị H quen nhau từ năm 2019, do cần tiền mua ớt, nên chị H có vay tiền của bà nhiều lần cụ thể:

+ Lần thứ 1 vay 20.000.000 đồng;
+ Lần thứ 2 vay 50.000.000 đồng;
+ Lần thứ 3 vay 100.000.000 đồng, tổng cộng là 170.000.000 đồng.

Sau đó chị H trả cho bà được 20.000.000 đồng, thì đến ngày 25/9/2020 chị H vay tiếp 55.000.000 đồng, nên tổng cộng chị H viết giấy xác nhận nợ tất cả là

205.000.000 đồng, lúc đó chị H có thế chấp cho bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong giấy vay các bên không thỏa thuận lãi suất bao nhiêu, nhưng thỏa thuận miệng là 6%/tháng và từ khi vay cho đến nay chị H trả lãi cho bà bao nhiêu bà không nhớ, nhưng trả rất ít vì mỗi lần chị H trả lãi thì bà nhận tiền mặt, không có tài liệu gì chứng minh chị H trả lãi được bao nhiêu.

Sau ngày 25/9/2020 thì bà thấy chị H khó khăn nên không tính lãi nữa, sau đó chị H mới trả cho bà được 10.000.000 đồng và bà đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H, kể từ đó chị H cũng không trả nợ gốc cho bà, nên ngày 23/6/2023 AL, bà gặp chị H bảo viết lại giấy xác nhận hiện còn nợ bà 195.000.000 đồng, chị H viết giấy xác nhận công nhận còn nợ số tiền trên, do lúc đó chị H kinh doanh bị thua lỗ nên bà đồng ý để chị H trả dần cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng, sau đó chị H có tháng trả, tháng không trả, nhưng đã trả được 19.000.000 đồng, rồi từ tháng 9/20024 đến nay không trả nữa, hiện nay kinh tế chị H rất khá giả, nhưng chây ì không muốn trả nợ cho bà. Do đó bà khởi kiện yêu cầu chị H trả cho bà số nợ còn lại 176.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi, bà chỉ yêu cầu cá nhân chị H trả nợ cho bà không yêu cầu ai khác. Trước đây trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2024, bà có yêu cầu chị H phải trả lãi theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày bà làm đơn khởi kiện, nhưng nay bà xin rút lại yêu cầu trả lãi, bà chỉ yêu cầu chị H trả nợ gốc 176.000.000 đồng.

Theo các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Giữa chị và bà V quen nhau do thông qua người khác, bà V thường xuyên cho bạn chị vay tiền, nên từ năm 2018 chị vay tiền bà V nhiều lần cụ thể:

+ Lần thứ 1 vay 20.000.000 đồng.

+ Lần thứ 2 vay 50.000.000 đồng.

+ Lần thứ 3 vay 100.000.000 đồng, tổng cộng là 170.000.000 đồng.

Sau đó chị trả cho bà V được 20.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000 đồng, lúc này chị có thế chấp cho bà V một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù trong giấy vay tiền các bên không thể thuận lãi suất bao nhiêu, nhưng các bên thỏa thuận miệng là 10%/tháng và sau đó chị đã trả lãi cho bà V hơn 100.000.000 đồng, nhưng tại Tòa hôm nay chỉ xác định đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng, thì mỗi tháng chị trả lãi cho bà V 25.000.000 đồng, đến ngày 25/9/2020 lúc bây giờ chị còn nợ gốc là 150.000.000 đồng, nhưng bà V cộng thêm 55.000.000 đồng tiền lãi, nên chị mới viết giấy xác nhận nợ 205.000.000 đồng, sau đó chị trả cho bà V được 10.000.000 đồng và bà V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị. Các lần trả lãi thì chị đưa tiền mặt, các bên không có viết giấy xác nhận nên chị không thể cung cấp cho Tòa và không còn tài liệu để chứng minh chị đã trả lãi được bao nhiêu và bà V cho chị vay có thuộc trường hợp cho vay lãi nặng không, nên chị không có ý kiến yêu cầu gì đối với khoản tiền lãi chị đã trả cho bà V.

Kể từ thời điểm ngày 25/9/2020 thì bà V và chị thỏa thuận, chị không trả lãi nữa chỉ yêu cầu chị trả nợ gốc, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình chị gặp

khó khăn nên sau đó chị không trả được nợ cho bà V được, vì vậy đến ngày 23/6/2023 AL, bà V chặn chị giữa đường bảo chị viết giấy xác nhận hiện còn nợ bà V 195.000.000 đồng. Chị công nhận 02 giấy nợ ngày 25/9/2020 và ngày 23/6/2023 AL mà bà V cung cấp cho Tòa để khởi kiện chị, các giấy này do chị viết và ký tên. Sau ngày 23/6/2023 AL thì chị trả cho bà V nhiều lần, tổng cộng được 19.000.000 đồng như bà V trình bày là đúng.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu chị trả khoản nợ 176.000.000 đồng, thì chị không đồng ý số nợ trên, chị công nhận hiện nay còn nợ 131.000.000đồng tiền gốc, vì 55.000.000 đồng, mà bà V cộng vào nợ gốc là tiền lãi (Trong số nợ lãi này chị đã trả cho bà V 10.000.000 đồng), nên chị không đồng ý trả số nợ 176.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho bà V 131.000.000 đồng, hiện nay chị khó khăn về kinh tế, xin trả dần, số nợ trên mỗi tháng 2.000.000đồng, đây là khoản nợ riêng của chị, không liên quan đến ai.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

-Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

-Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

-Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi đối với khoản nợ 176.000.000 đồng, do nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi.

-Bác yêu cầu xin trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H vì bà Nguyễn Thị V không đồng ý.

- Buộc chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 176.000.000 đồng x 5% = 8.800.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là chị Nguyễn Thị H, hiện đang cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Giữa bà Nguyễn Thị V và chị Nguyễn Thị H quen biết nhau từ năm 2019, từ khoảng thời gian này cho đến ngày 25/9/2020 thì chị H vay tiền bà V nhiều lần, đến ngày 25/9/2020 âm lịch, các bên xác nhận số tiền chị H đã vay

của bà V, thì chị H còn nợ bà V 205.000.000 đồng và chị H viết giấy nhận nợ (BL 20) sau thời gian đó chị H trả cho bà V được 10.000.000 đồng thì không trả nữa cho đến ngày 23/6/2023 âm lịch thì chị H viết giấy xác nhận còn nợ bà V 195.000.000 đ (BL 21) và các bên thỏa thuận để chị H mỗi tháng trả cho bà V 2.000.000 đồng và từ ngày 2/7/2023 cho đến ngày 27/9/2024 chị H đã trả cho bà V được 19.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 176.000.000 đồng, từ đó cho đến nay chị H không chịu trả nợ cho bà V như các bên đã cam kết, bên phía nguyên đơn bà V xuất trình hai giấy vay tiền do chị H viết và ký tên để khởi kiện chị H, chị H cũng thừa nhận hai giấy vay này do chị viết và ký tên, lãi suất có thỏa thuận nhưng không ghi vào giấy mượn tiền. Do chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận, nên bà V mới khởi kiện. Xét việc bà V khởi kiện yêu cầu chị H trả nợ gốc là 176.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai các bên đương sự, phù hợp với quy định tại các Điều 463,466,469 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Chị H cho rằng trong giấy nợ 195.000.000 đồng, thì 45.000.000 đồng bà V tính lãi cộng vào, chứ thực tế chị chỉ có nợ 150.000.000 đồng, nên chị yêu cầu Tòa xác nhận trong giấy nhận nợ ngày 23/6/2023 âm lịch, thì nợ gốc là 150.000.000đồng, chị đã trả được 19.000.000 đồng, nên hiện nay chị còn nợ 131.000.000 đồng, tuy nhiên chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào xác định số tiền 45.000.000 đồng, là tiền lãi bà V cộng vào, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H đối với số nợ này.

[2.3] Trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2024 bà V yêu cầu chị H trả số nợ gốc 176.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo lãi suất Ngân hàng, từ ngày bà làm đơn khởi kiện cho đến ngày xét xử vụ án, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án này và tại Tòa hôm nay bà V tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà V.

[2.4] Chị H xác định trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất bao nhiêu, nhưng các bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài 10%/tháng, tại Tòa hôm nay thì chị cho rằng đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng, thì mỗi tháng chị trả lãi cho bà V 25.000.000 đồng, các lần trả lãi thì chị đưa tiền mặt, các bên không có viết giấy xác nhận nên chị không thể cung cấp cho Tòa và không còn tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh chị đã trả lãi được bao nhiêu và bà V cho chị vay và tính lãi có thuộc trường hợp cho vay lãi nặng không, nên chị không có ý kiến yêu cầu gì đối với khoản tiền lãi chị đã trả cho bà V. Vì vậy hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét đối với khoản tiền lãi chị H đã trả cho bà V.

[2.5] Đối với yêu cầu xin trả dần số nợ gốc của chị H, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, nhưng bà V không đồng ý, nên Hồng đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị H.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật là 176.000.000 đồng x 5% = 8.800.000 đồng, sung ngân sách nhà nước. Bà V thuộc trường hợp người cao tuổi nên đã được miễn tiền tạm ứng án phí.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

1. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 176.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi sáu triệu)* đồng.

2. Bác yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H, vì nguyên đơn bà Nguyễn Thị V không đồng ý cho trả dần.

3. Đình chỉ yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, do bà V rút yêu cầu.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 8.800.000 đồng (*Tám triệu tám trăm nghìn*) đồng, án phí sung ngân sách nhà nước.

5.Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2.Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy đinh tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn chị Nguyễn Thị H có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2025).

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Định;
-VKSND huyện Phù Mỹ;
-CC THADS huyện Phù Mỹ;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tân